

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1341/GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy Longstar Lighting Thái Bình;

Xét Văn bản số 03/CVMT-LSTB ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Công ty TNHH Longstar Lighting Thái Bình Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án nhà máy Longstar Lighting Thái Bình - Giai đoạn 1 (phân kỳ 1) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 315/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Longstar Lighting Thái Bình Việt Nam, địa chỉ tại Lô D3, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), thuộc khu kinh tế

Thái Bình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy Longstar Lighting Thái Bình - Giai đoạn 1 (phân kỳ 1) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Dự án Nhà máy Longstar Lighting Thái Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D3, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), thuộc khu kinh tế Thái Bình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001271371 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2023, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 7 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2174527747 do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 1001271371.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất và gia công đèn LED các loại;
- Sản xuất và gia công linh kiện của đèn LED (bao gồm: bộ mạch điện của đèn led, linh kiện bằng nhựa).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 37.904,1 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 286926 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Bình (nay là Văn phòng Đất đai Hưng Yên) cấp ngày 20 tháng 3 năm 2024, số vào sổ cấp GCN: CT 05773).

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B.

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế giai đoạn 1 (phân kỳ 1): 11.190.625 sản phẩm/năm tương đương 5.155 tấn/năm, trong đó:

+ Sản xuất và gia công đèn LED các loại: 7.000.000 sản phẩm/năm tương đương 4.410 tấn/năm;

+ Sản xuất và gia công linh kiện của đèn LED (bao gồm: bộ mạch điện của đèn LED, linh kiện bằng nhựa): 4.190.625 sản phẩm/năm tương đương 745 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất giai đoạn 1 (phân kỳ 1):

(1) Quy trình sản xuất bộ mạch điện của đèn LED:

Linh kiện đầu vào (Bản mạch, điện trở, cuộn cảm, mạch tích hợp, cầu chì, ống thứ cấp, dây nguồn...) → Kiểm tra → PCB → Quét keo đỏ → Gắn linh kiện → Hàn đối lưu → Kiểm tra → Gắn linh kiện → Hàn sóng → Kiểm tra ngoại quan → Hàn đắp → Kiểm tra → Sửa chữa → Sản phẩm bộ mạch điện của đèn LED.

(2) Quy trình sản xuất linh kiện đèn LED bằng nhựa (chao đèn, vòng đèn trang trí, nắp đèn PC,...):

+ Hạt nhựa PA, PC nguyên sinh + Bavaria nhựa tái sử dụng → Ép phun → Làm nguội → Cắt bavaria → Sản phẩm linh kiện đèn LED bằng nhựa (chao đèn, vòng đèn trang trí, nắp đèn PC,...).

+ Quy trình nghiền tái sử dụng bavaria nhựa: Bavaria nhựa → Nghiền → Quay lại quá trình sản xuất linh kiện đèn LED bằng nhựa (chao đèn, vòng đèn trang trí, nắp đèn PC,...).

(3) Quy trình sản xuất tấm phát quang:

Tấm nhôm/Tấm PCB → Kiểm tra → Quét cao hàn → Gắn hạt đèn → Hàn đối lưu → Kiểm tra → Sửa chữa sản phẩm → Sản phẩm tấm phát quang → Tách tấm → Lắp ráp thêm bảng tản nhiệt, tấm dẫn sáng, giấy phản quang, đầu cắm dây → Sản phẩm tấm phát quang.

(4) Quy trình sản xuất đèn LED: Bộ mạch điện của đèn LED (sau khi lắp ráp nguồn điện, công tắc) + Linh kiện đèn LED bằng nhựa (chao đèn, vòng đèn trang trí, nắp đèn PC,...) + Tấm phát quang + Máng đèn, lõi đế đèn bằng nhôm + Các chi tiết linh kiện khác → Lắp ráp → Kiểm tra kết nối → Lắp khoá dây → Vệ sinh → Kiểm tra → Sản phẩm đèn LED hoàn chỉnh → Nhập kho, chờ xuất khẩu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Longstar Lighting Thái Bình Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Longstar Lighting Thái Bình Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- UBND xã Thái Thụy;
- Công ty TNHH Longstar Lighting Thái Bình VN;
- Công ty Cổ phần Green i-Park;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thìn}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
10/10/2025 10:28:09

Lại Văn Hoàn

Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 134/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh (nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom xử lý sơ bộ bằng 05 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 96 m^3 , cùng với nước thải phát sinh từ bồn rửa, thoát sàn) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án.

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1) tại hố ga; vị trí đầu nối có tọa độ: $X(m) = 2272822.612$, $Y(m) = 607707.313$ (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1).

- Công suất thiết kế: $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, triển khai ngay các biện pháp: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra hố ga đầu nổi nước thải; nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Đối với sự cố không thể khắc phục ngay, tạm dừng hoạt động sản xuất của nhà máy; chỉ hoạt động lại khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái.

- Thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, vận hành thử nghiệm để kiểm tra, đánh giá hiệu quả xử lý trước khi đưa vào vận hành chính thức; tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát.

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố; bảo dưỡng định kỳ.

- Tạm dừng các hoạt động phát sinh nước thải khi xảy ra sự cố, nhanh chóng tiến hành khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, sau khi hoàn thành xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm đầu vào tại bể gom nước thải; 01 điểm đầu ra tại vị trí đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Liên Hà Thái.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Các thông số và giá trị theo tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nổi của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Liên Hà Thái, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính

phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.3. Thông báo cho cơ quan Cấp giấy phép môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường. *2)*

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1341/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ dây chuyền hàn sóng (DIP) tại tầng 5 của nhà xưởng 6A.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ dây chuyền hàn đối lưu (SMT) tại tầng 4 của nhà xưởng 6A.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy hàn khu vực hàn thủ công và sửa chữa tại tầng 3 của nhà xưởng 6A.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ dây chuyền ép phun nhựa tại tầng 2 của nhà xưởng 6A.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ dây chuyền ép đùn nhựa tại tầng 2 của nhà xưởng 6A.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ 02 máy khắc laze tại tầng 3 và tầng 4 của nhà xưởng 6A.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Dòng khí thải	Nguồn khí thải tương ứng	Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°)	
				X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Số 01	30.000	2272890.579	607658.503
		Số 02			
		Số 03			
2	Dòng khí thải số 02	Số 04	15.000	2272916.666	607649.937
		Số 05			

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 45.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục theo các thời điểm sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Đồng (Cu)	mg/Nm ³	6		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Vinyl Clorua	mg/Nm ³	30		
3	Styren	mg/Nm ³	100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (bao gồm nguồn số: 01, 02, 03): Toàn bộ khí thải này được dẫn vào 01 tháp hấp phụ để xử lý. Khí thải sau khi được thu vào trong tháp hấp phụ sẽ đi qua 01 khoang chứa bông lọc G4 và qua 03 khay chứa than hoạt tính để giữ lại các loại khí thải phát sinh. Khí sạch được xả ra ngoài môi trường tại 01 ống thoát khí thải.

- Dòng khí thải số 02 (bao gồm nguồn số: 04, 05): Toàn bộ khí thải này được dẫn vào 01 tháp hấp phụ để xử lý. Khí thải sau khi được thu vào trong tháp hấp phụ sẽ đi qua 01 khoang chứa bông lọc G4 và qua 03 khay chứa than hoạt tính để giữ lại các loại khí thải phát sinh. Khí sạch được xả ra ngoài môi trường tại 01 ống thoát khí thải.

- Nguồn khí thải số 06: Toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động của máy khắc lazer được thu gom vào thiết bị xử lý khí thải trang bị đồng bộ sẵn trong máy. Khí thải sau khi được thu vào thiết bị xử lý sẽ đi qua 03 ngăn (ngăn số 01 và số 02 chứa bông lọc bụi, ngăn số 03 chứa than hoạt tính) sau đó khí sạch được thoát vào trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các dây chuyền hàn (hàn sóng (DIP), hàn đối lưu (SMT) và khu vực hàn thủ công, sửa chữa).

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải phát sinh từ các dây chuyền hàn (hàn sóng (DIP), hàn đối lưu (SMT) và khu vực hàn thủ công, sửa chữa) → Đường ống dẫn nhánh → Đường ống tổng → Tháp hấp phụ (khí thải đi qua 01 khoang chứa bông lọc G4 và qua 03 khay chứa than hoạt tính) → Quạt hút (lưu lượng: 30.000 m³/giờ) → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bông lọc G4, than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ dây chuyền ép phun nhựa và ép đùn nhựa:

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải phát sinh từ dây chuyền ép phun nhựa và ép đùn nhựa → Đường ống dẫn → Tháp hấp phụ (khí thải đi qua 01 khoang chứa bông lọc G4 và qua 03 khay chứa than hoạt tính) → Quạt hút (lưu lượng: 15.000 m³/giờ) → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: bông lọc G4, than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt hệ thống theo đúng hướng dẫn, thiết kế, vận hành chạy thử và nghiệm thu.
- Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động, định kỳ bảo dưỡng thiết bị.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hỏng hóc, phải dừng sản xuất tạm thời để tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời; chỉ đưa dây chuyền sản xuất hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục và đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các dây chuyền hàn (hàn sóng (DIP), hàn đối lưu (SMT) và khu vực hàn thủ công, sửa chữa), công suất 30.000 m³/giờ

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ dây chuyền ép phun nhựa và ép đùn nhựa, công suất 15.000 m³/giờ.

- Vị trí lấy mẫu: Tại 02 ống thoát khí thải ra môi trường từ 02 hệ thống xử lý khí thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.3. Thông báo cho cơ quan Cấp giấy phép môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Khí thải phát sinh từ máy khắc laze phải thường xuyên kiểm tra, thay thế bông lọc và than hoạt tính, bảo đảm môi trường làm việc và sức khỏe người lao động.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 134/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực sản xuất tại nhà xưởng 6A.
- Nguồn số 02: Khu vực phòng máy nén khí.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ dây chuyền hàn sóng (DIP), dây chuyền hàn đối lưu (SMT), khu vực hàn thủ công và sửa chữa.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ dây chuyền ép phun nhựa và ép đùn nhựa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Nguồn phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
1	Nguồn số 01	2272921.923	607702.917
2	Nguồn số 02	2272973.383	607621.478
3	Nguồn số 03	2273075.016	607595.342
4	Nguồn số 04	2272901.414	607669.733
5	Nguồn số 05	2272916.04	607648.203

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2025/BNNT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2025/BNNT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Khu vực bị ảnh hưởng
	Từ 06 giờ đến trước 18 giờ	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 06 giờ	Khu vực E
1	70	65	60	

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra tiếng ồn theo quy định tại bảng 2 của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày (dB)		Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (06:00 - trước 22:00)	Đêm (22:00 - trước 06:00)	Khu vực D
1	75	70	

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra độ rung theo quy định tại bảng 2 của QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt một số thiết bị (đệm cao su, lò xo) để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.

- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất bảo đảm hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 134/GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Danh mục	Mã số CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn Led hỏng	16 01 13	21
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	84
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	5.390
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	49
Tổng			5.544

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Danh mục	Khối lượng (kg/năm)
1	Linh kiện lỗi hỏng, sản phẩm hỏng, bavias,... không chứa thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất	79.873,2
2	Bao bì carton, dây buộc hàng, pallet hỏng, nhãn mác hỏng từ quá trình đóng gói sản phẩm	12.633,6
3	Bao bì đóng gói nguyên liệu đầu vào phục vụ các quá trình sản xuất	49.676,5
Tổng		142.183,3

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	51,48

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Danh mục	Mã số CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 02 06	1.626
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 02	77
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	92,5
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	207
Tổng			2.002,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thiết bị lưu chứa đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 57,2 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, nền bê tông, mái che kiên cố, có rãnh, hố thu gom chất thải lỏng đổ, tràn.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực thu gom, vận chuyển theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thùng lưu chứa bằng nhựa hoặc bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho lưu chứa.

+ Diện tích: 85,8 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, nền bê tông, mái che kiên cố; cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý bảo đảm vệ sinh môi trường theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. *2*

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1341 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung, hạng mục công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục triển khai thực hiện theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy Longstar Lighting Thái Bình được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt tại Quyết định số 912/QĐ-BTNMT ngày 09/04/2024, bao gồm:

- Đầu tư các hạng mục công trình thuộc các phân kỳ giai đoạn 1, giai đoạn 2 của Dự án.

- Bảo đảm diện tích đất cây xanh theo quy hoạch được phê duyệt.

- Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tương ứng với các hạng mục công trình, dây chuyền sản xuất tiếp tục đầu tư hoàn thiện; đầu tư hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải tương ứng với các dây chuyền sản xuất thuộc các phân kỳ giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của Dự án.

Sau khi hoàn thành việc đầu tư, trước khi đưa công trình vào vận hành, chủ dự án đầu tư phải lập hồ sơ để đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.